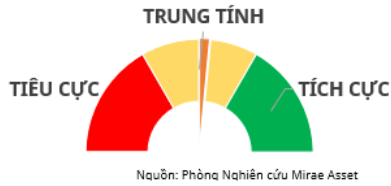


16 Tháng 02, 2023

Thang đo sức mạnh thị trường ngắn hạn



Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeasset.com.vn

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN INDEX	1,058.29	1.0	-0.8	-29.1
HNX	210.84	1.4	0.0	-50.9
UPCOM	79.66	0.2	10.3	-28.7
MSCI EM	1,004.87	-0.9	-2.5	-19.2
NIKKEI	27,696.44	0.7	7.3	0.9
HANG SENG	20,987.67	0.8	-3.5	-15.1
KOSPI	2,475.48	2.0	3.2	-9.3
FTSE	8,020.68	0.3	2.0	5.5
S&P 500	4,147.60	0.3	3.7	-7.3
NASDAQ	12,070.59	0.9	8.9	-14.5

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Việt Nam	13.6	1.7	14.1
Indonesia	15.3	2.0	13.5
Philippines	15.6	1.7	10.9
Malaysia	15.9	1.4	8.9
Thái Lan	17.3	1.6	9.3

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Tái cấp vốn	6.0	0	0	200
TPCP 5 năm	3.8	1	-68	281
TPCP 10 năm	4.2	11	-40	203

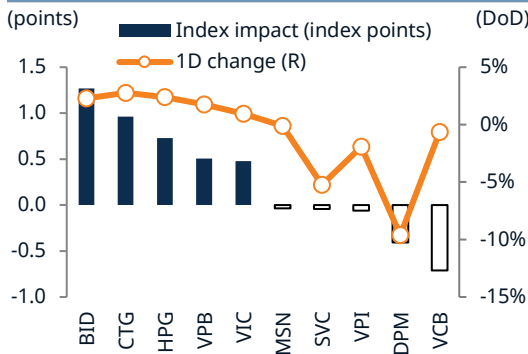
Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,636	0.1	0.8	3.8
US\$/KRW	1,284.8	0.2	4.0	7.4
US\$/JPY	133.9	-0.2	4.2	16.0
US\$/EUR	0.93	-0.2	1.1	6.2
US\$/GBP	0.83	-0.1	1.2	12.8
US\$/SGD	1.33	-0.1	1.0	-0.7

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 6 tháng
VN-INDEX	332	383	447
HNX	41	42	47
UPCOM	11	17	19

Các cổ phiếu tác động VN-Index



Nhận định thị trường

Đà tăng được duy trì

Tiếp tục là diễn phục hồi của VN-Index sau nhiều phiên giảm trước đó, sắc xanh chiếm ưu thế trong suốt thời gian giao dịch. Đáng chú ý, lực cầu mạnh ở phiên chiều giúp VN-Index đóng cửa ở mức cao nhất trong ngày. Kết phiên, Vn-Index tăng hơn 10 điểm tương ứng với gần 1% và dừng chân tại 1,058 điểm. Thanh khoản tiếp tục ở mức thấp với 410 triệu đơn vị khớp lệnh, tương ứng với 6,883 tỷ đồng.

Nhóm cổ phiếu thép thu hút được nhiều sự quan tâm của nhà đầu tư trong phiên khi mà có nhiều mã cổ phiếu trong nhóm tăng mạnh như HSG, HPG, POM, TLH....riêng NKG tăng kịch trần. Bên cạnh đó, nhóm dầu khí cũng đóng góp một phần điểm số ở chiều tăng với PVD, PVT, PVS...đều có mức tăng ấn tượng trên 3%.

Khối ngoại tiếp tục bán ròng trong phiên thứ 2 liên tiếp với tổng giá trị đạt hơn 93 tỷ trên cả HNX và HSX. STB là cái tên đứng đầu giá trị bị bán ròng với gần 83 tỷ và đứng ở vị trí thứ 2 là VIC với 46 tỷ đồng. Ngược lại, HDB và VNM được mua ròng lần lượt 30 tỷ và 23 tỷ.

Đóng cửa ở vùng giá cao nhất trong ngày đã giúp cho điểm số đánh giá sức mạnh giá của VN-Index được cải thiện từ mức -2 lên mức 0 điểm và vẫn giữ trạng thái là TRUNG TÍNH.

Trương Hoàng Tiến Hưng Analyst, 84-8-39102222, hung.tht@miraeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Mã	Điểm kỹ thuật	Xu hướng ngắn hạn
VNINDEX	0	TRUNG TÍNH
VN30	0	TRUNG TÍNH
VN30F1M	0	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	-2	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-2	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	6	KHẢ QUAN
Kospi	-4	TIÊU CỰC
Nikkei 225	3	TRUNG TÍNH
FTSE 100 (EU)	7	KHẢ QUAN
Dow Jones	4	KHẢ QUAN

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Bản tin thị trường

Phân tích kỹ thuật

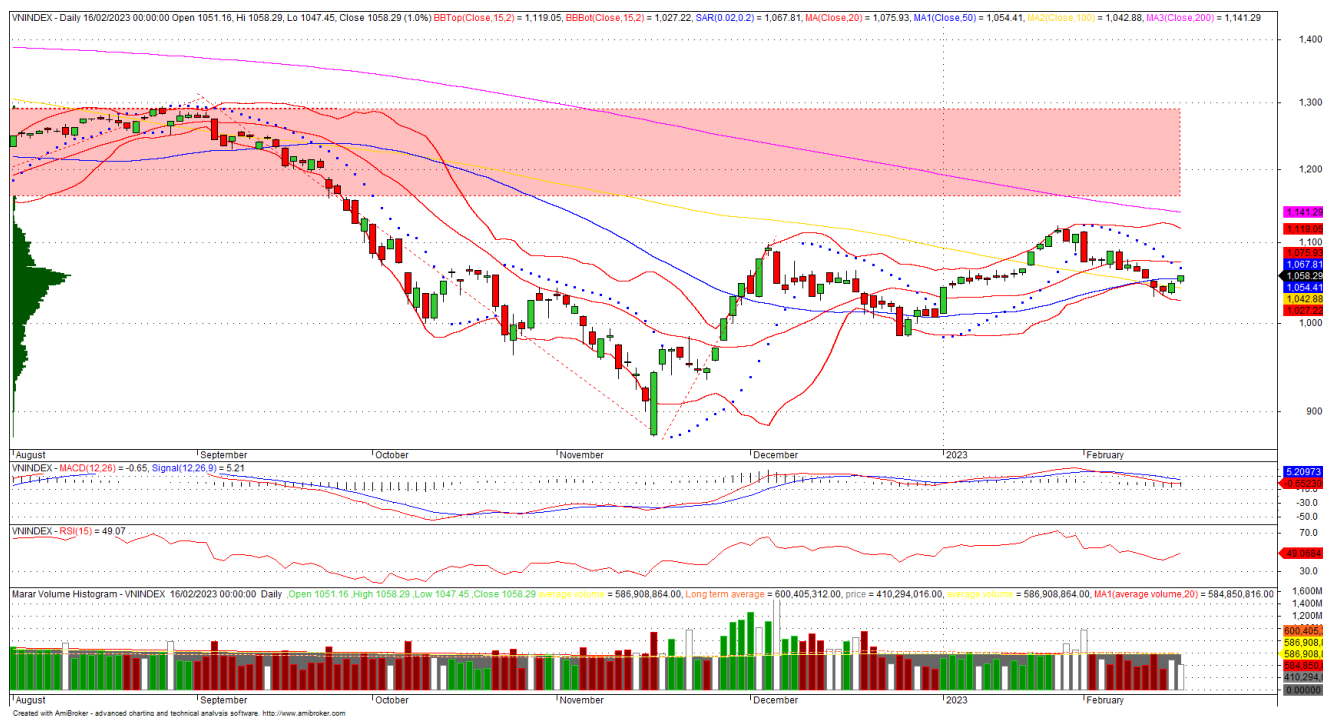
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	0	TRUNG TÍNH
VN30	0	TRUNG TÍNH
VN30F1M	0	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	-2	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-2	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIỂU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index		Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (16/02/2023)	1.058	Kháng cự 1	1.100
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	Giảm	Kháng cự 2	1.130
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 1	1.030
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 2	1.000

VN-Index có diễn biến hồi phục tích cực khi về vùng hỗ trợ, tuy nhiên thanh khoản vẫn còn đang ở mức thấp

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: fireant.com

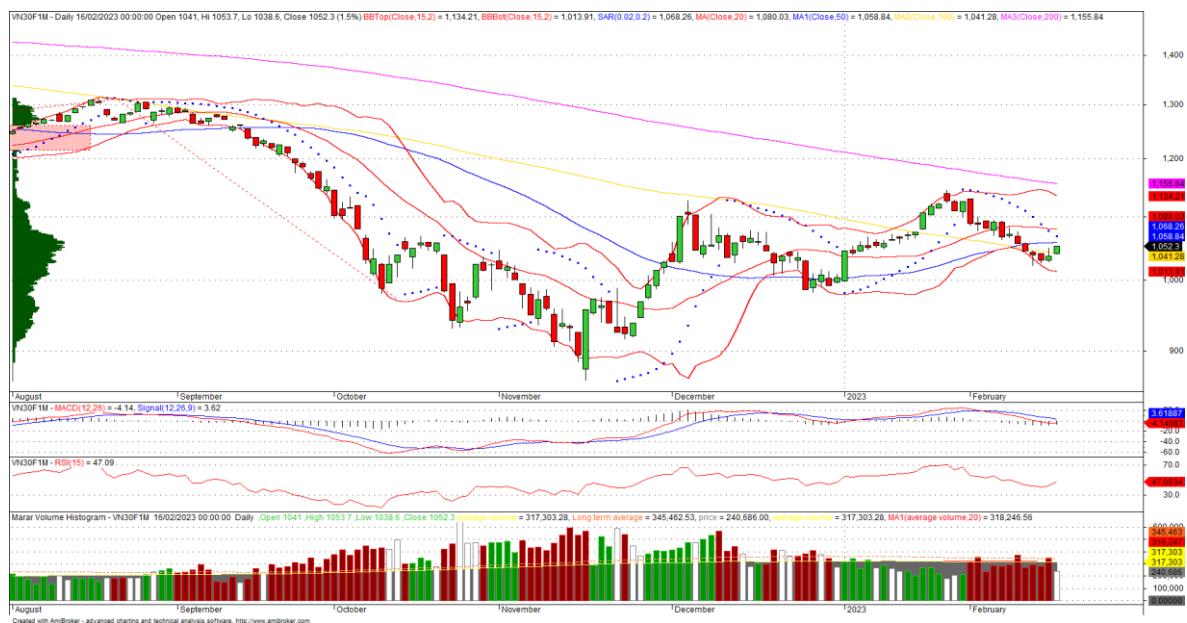
CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (16/02/2023)	1.052	Kháng cự 1 1.080
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TRUNG TÍNH	Kháng cự 2 1.100
VN30 - đóng cửa	1.055	Hỗ trợ 1 1.000
Chênh lệch VN30F1M & VN30	-2,96	Hỗ trợ 2 990

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	6	KHẢ QUAN
VN30F1M (chart 60 phút)	3	TRUNG TÍNH
VN30F1M	0	TRUNG TÍNH

VN30F1M có diễn biến hồi phục tốt khi về vùng hỗ trợ và có xu hướng kiểm định lại ngưỡng kháng cự phía trên.

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: fireant.vn

TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
TNG	Dệt may	18,100	1,991,625	99	7	
LCG	Xây dựng	11,600	8,913,735	97	5	
HSG	Thép	15,850	16,626,675	84	5	
PVD	Dầu khí	22,100	4,153,980	75	5	Top sức mạnh ngành

(*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.

(**) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
TNG	18.1	1,991,625	7	KHẢ QUAN	1,903	6.4	1.2	36
CTF	35.35	737,050	6	KHẢ QUAN	2,687	25.0	3.0	26
HSG	15.85	16,626,675	5	KHẢ QUAN	9,479	#N/A N/A	0.9	264
PVS	26.4	5,975,510	5	KHẢ QUAN	12,618	17.6	1.0	158
LCG	11.6	8,913,735	5	KHẢ QUAN	2,200	11.1	0.9	103
PVD	22.1	4,153,980	5	KHẢ QUAN	12,285	#N/A N/A	0.9	92
PVT	20.35	2,181,575	5	KHẢ QUAN	6,602	7.9	1.1	44
DPM	39	1,737,610	4	KHẢ QUAN	15,262	2.8	1.1	68
ANV	33.4	1,428,430	4	KHẢ QUAN	4,246	6.3	1.5	48
TCM	52.9	702,400	4	KHẢ QUAN	4,335	18.3	2.2	37
NKG	15.05	10,801,050	3	TRUNG TÍNH	3,962	#N/A N/A	0.7	163
IDC	41.8	3,223,825	3	TRUNG TÍNH	13,794	6.1	2.6	135
HHV	13.15	7,438,685	3	TRUNG TÍNH	4,048	12.8	0.6	98
KSB	24	2,322,130	3	TRUNG TÍNH	1,831	14.0	0.9	56
PC1	25.95	1,730,400	3	TRUNG TÍNH	7,018	15.6	1.4	45
PVC	15	1,684,760	3	TRUNG TÍNH	750	54.8	1.0	25
NLG	28.6	882,120	3	TRUNG TÍNH	10,985	22.4	1.2	25
GAS	107.9	278,720	2	TRUNG TÍNH	206,515	14.1	3.5	30
PLX	39	724,175	2	TRUNG TÍNH	49,553	33.7	2.0	28
HCM	24.35	4,385,850	1	TRUNG TÍNH	11,133	13.1	1.4	107
KDH	27.8	1,679,000	1	TRUNG TÍNH	19,928	19.3	1.7	47
HPG	21.3	28,179,120	0	TRUNG TÍNH	123,855	14.6	1.3	600
VPB	17.5	20,421,844	0	TRUNG TÍNH	117,481	6.4	1.2	357
VND	14.6	21,550,920	0	TRUNG TÍNH	17,780	8.0	1.2	315
SSI	19.5	14,701,690	0	TRUNG TÍNH	29,038	13.4	1.3	287
MBB	18.25	9,443,945	0	TRUNG TÍNH	82,745	4.7	1.1	172
VCG	20.5	8,077,705	0	TRUNG TÍNH	9,961	7.8	1.4	166

SHB	10.1	15,948,710	0	TRUNG TÍNH	30,976	4.0	0.7	161
VCI	27	5,623,620	0	TRUNG TÍNH	11,758	13.5	1.8	152
SHS	8.6	15,587,450	0	TRUNG TÍNH	6,993	35.6	0.7	134
VNM	76.5	1,698,305	0	TRUNG TÍNH	159,882	21.1	5.4	130
KBC	23.95	5,357,020	0	TRUNG TÍNH	18,384	11.8	1.1	128
TCB	27.9	3,927,425	0	TRUNG TÍNH	98,131	4.9	0.9	110
CTG	29.7	3,191,790	0	TRUNG TÍNH	142,731	8.4	1.3	95
POW	12.35	7,579,975	0	TRUNG TÍNH	28,922	15.3	1.0	94
ACB	24.8	3,491,365	0	TRUNG TÍNH	83,760	6.1	1.4	87
BID	45	1,748,790	0	TRUNG TÍNH	227,634	12.5	2.3	79
FPT	81.6	902,990	0	TRUNG TÍNH	89,517	16.9	4.3	74
FRT	73.3	988,765	0	TRUNG TÍNH	8,684	22.2	4.3	72
IDI	12.4	4,908,215	0	TRUNG TÍNH	2,823	5.2	0.9	61
SBT	14.75	2,697,265	0	TRUNG TÍNH	9,930	15.3	1.1	40
HDG	30.5	1,289,830	0	TRUNG TÍNH	7,460	6.6	1.3	39
FCN	11.45	2,946,555	0	TRUNG TÍNH	1,803	45.9	0.7	34
MBS	13.8	2,110,550	0	TRUNG TÍNH	5,382	9.6	1.2	29
DPG	30.2	840,935	0	TRUNG TÍNH	1,903	4.9	1.2	25
IJC	11.75	2,108,895	0	TRUNG TÍNH	2,959	6.1	0.8	25
L14	49	436,920	0	TRUNG TÍNH	1,512	79.6	3.7	21
PHR	42.1	503,830	0	TRUNG TÍNH	5,705	6.7	1.7	21
HVN	12.1	1,741,005	0	TRUNG TÍNH	26,794	#N/A N/A	#N/A N/A	21
BSR	16.6	9,136,725	-1	TRUNG TÍNH	51,468	7.9	1.4	152
TPB	24	8,135,505	-2	TRUNG TÍNH	37,962	6.1	1.2	195
CEO	21.3	8,522,350	-2	TRUNG TÍNH	5,481	19.7	1.7	182
DIG	14.2	9,611,330	-2	TRUNG TÍNH	8,660	56.8	1.1	136
LPB	14	9,228,465	-2	TRUNG TÍNH	24,207	4.8	1.0	129
VCB	92.4	1,007,095	-2	TRUNG TÍNH	437,285	14.6	3.2	93
VIB	20.9	3,900,435	-2	TRUNG TÍNH	44,050	5.2	1.3	82
VIX	7.18	10,415,060	-2	TRUNG TÍNH	4,180	9.8	0.5	75
DBC	14.45	4,203,520	-2	TRUNG TÍNH	3,497	23.3	0.7	61
MSN	92.9	594,725	-2	TRUNG TÍNH	132,264	36.9	5.1	55
CII	13.4	3,324,065	-2	TRUNG TÍNH	3,380	4.5	0.6	45
HDB	18.5	2,344,460	-2	TRUNG TÍNH	46,532	6.0	1.3	43
PNJ	82.6	515,560	-2	TRUNG TÍNH	27,093	13.6	3.2	43
VRE	28.4	1,391,080	-2	TRUNG TÍNH	64,534	23.6	1.9	40
HPX	4.32	8,183,380	-2	TRUNG TÍNH	1,314	12.0	0.4	35
GVR	14.75	2,319,650	-2	TRUNG TÍNH	59,000	15.4	1.2	34
DGW	40.65	761,410	-2	TRUNG TÍNH	6,792	9.6	2.8	31
FLC	3.57	8,630,840	-2	TRUNG TÍNH	#VALUE!	#N/A N/A	#N/A N/A	31
VPI	51.4	589,570	-2	TRUNG TÍNH	12,439	24.7	3.6	30
HDC	30.2	973,575	-2	TRUNG TÍNH	3,264	8.0	1.8	29
SZC	28.85	986,130	-2	TRUNG TÍNH	2,885	18.5	1.9	28
VJC	102.8	256,200	-2	TRUNG TÍNH	55,678	#N/A N/A	3.9	26
HUT	14.1	1,866,030	-2	TRUNG TÍNH	4,916	35.1	1.3	26
VGC	36.3	718,305	-2	TRUNG TÍNH	16,275	9.3	2.1	26
PAN	16	1,619,740	-2	TRUNG TÍNH	3,342	9.2	0.7	26
BVH	50.1	511,880	-2	TRUNG TÍNH	37,190	24.3	1.8	26

SCR	5.9	3,988,380	-2	TRUNG TÍNH	2,334	46.5	0.5	24
FTS	19.1	1,186,355	-2	TRUNG TÍNH	3,726	11.4	1.1	23
STB	23.9	16,996,504	-4	TIÊU CỰC	45,057	8.9	1.2	406
NVL	11.5	16,739,840	-4	TIÊU CỰC	22,426	9.9	0.6	193
GEX	13.05	12,220,495	-4	TIÊU CỰC	11,112	29.3	0.9	159
MWG	43.3	2,682,980	-4	TIÊU CỰC	63,364	15.3	2.6	116
DGC	53.3	2,077,475	-4	TIÊU CỰC	20,242	3.8	1.9	111
HAG	8	13,684,705	-4	TIÊU CỰC	7,419	6.4	1.5	109
DXG	11.15	9,649,750	-4	TIÊU CỰC	6,802	43.7	0.7	108
VIC	53.4	1,821,485	-4	TIÊU CỰC	203,664	23.7	1.8	97
PDR	11	7,325,440	-4	TIÊU CỰC	7,388	6.3	0.9	81
DCM	25.4	2,459,225	-4	TIÊU CỰC	13,447	3.3	1.3	62
KDC	59.8	974,030	-4	TIÊU CỰC	15,382	41.7	2.2	58
EIB	22	2,565,920	-4	TIÊU CỰC	27,048	9.2	1.3	56
HAH	35.65	1,497,755	-4	TIÊU CỰC	2,508	3.7	1.1	53
GMD	52.2	678,650	-4	TIÊU CỰC	15,732	17.2	2.3	35
ASM	8.68	3,857,305	-4	TIÊU CỰC	2,921	4.6	0.6	33
TCH	7.2	4,411,280	-4	TIÊU CỰC	4,811	26.9	0.6	32
AAA	8.29	3,828,565	-4	TIÊU CỰC	3,169	17.1	0.6	32
REE	71	443,165	-4	TIÊU CỰC	25,234	9.4	1.6	31
HBC	8.7	2,970,505	-4	TIÊU CỰC	2,385	#N/A N/A	0.9	26
VHC	63.9	400,030	-4	TIÊU CỰC	11,718	5.9	1.6	26
VPK	12.5	1,945,495	-4	TIÊU CỰC	1,002	18.5	0.7	24
BCG	6.44	3,712,410	-4	TIÊU CỰC	3,436	8.5	0.5	24
VHM	42.5	2,240,715	-6	TIÊU CỰC	185,061	6.5	1.3	95

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

ECB sẽ tiếp tục tăng lãi suất thêm 0,5 điểm phần trăm vào tháng 3/2023

Chủ tịch Ngân hàng trung ương châu Âu (ECB) Christine Lagarde ngày 15/2 đã nhắc lại ECB có kế hoạch tăng lãi suất thêm 0,5 điểm phần trăm ngay cả khi triển vọng nền kinh tế Khu vực đồng tiền chung châu Âu (Eurozone) được cải thiện. Số liệu công bố ngày 13/2 cho thấy khối này đã tránh được một cuộc suy thoái vào cuối năm 2022 sau khi ghi nhận mức tăng trưởng 0,1%, còn lạm phát đang giảm xuống dù vẫn ở mức 8,5%. Phát biểu trước các nghị sỹ tại Nghị viện châu Âu, bà Lagarde nói rằng ECB dự định sẽ tăng lãi suất thêm 0,5 điểm phần trăm tại cuộc họp sắp tới vào tháng 3/2023 dù cho sức ép lạm phát giảm. Sau đó, ECB sẽ đánh giá tính hiệu quả của chính sách tiền tệ, nhắc lại thông điệp ngân hàng này đã đưa ra sau khi tăng lãi suất thêm 0,5 điểm phần trăm hôm 2/2.

IEA: Trung Quốc sẽ chiếm gần 50% mức tăng nhu cầu dầu thô năm 2023

Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) ngày 15/2 cho biết cho biết Trung Quốc sẽ chiếm gần 50% mức tăng nhu cầu dầu thô trong năm 2023 sau khi nước này nới lỏng các biện pháp kiểm chế dịch COVID-19. Tuy nhiên, việc Tổ chức các Nước Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC) và các nước đồng minh, hay còn gọi là OPEC+, hạn chế sản xuất có thể gây ra sự thiếu hụt nguồn cung trong nửa cuối năm. Trong báo cáo dầu hàng tháng, cơ quan có trụ sở tại Paris này cho biết nguồn cung từ OPEC+ dự kiến sẽ giảm do Nga đang chịu sức ép từ các lệnh trừng phạt của phương Tây. Nguồn cung dầu thế giới có thể sẽ vượt nhu cầu trong nửa đầu năm 2023, nhưng cán cân này có thể nhanh chóng chuyển sang thâm hụt khi nhu cầu phục hồi và nguồn cung dầu từ Nga thắt chặt. IEA nhận thấy nhu cầu dầu có thể tăng 2 triệu thùng/ngày trong năm 2023, trong đó Trung Quốc chiếm 900.000 thùng/ngày.

HAH: báo lãi hơn 1.000 tỷ năm 2022

CTCP Vận tải và Xếp dỡ Hải An (mã CK: HAH) vừa công bố BCTC hợp nhất năm 2022 đã kiểm toán. Theo đó, trong năm 2022, doanh thu thuần HAH đạt 3.206 tỷ đồng tăng 64% so với cùng kỳ. Trừ đi giá vốn, lợi nhuận gộp đạt 1.422 tỷ đồng, gần gấp đôi năm 2021. Biên lợi nhuận gộp cũng tăng lên 44,35%, trong khi năm ngoái biên lợi nhuận gộp ở mức 36,5%. Kết quả, LNST của HAH đạt 1.041 tỷ đồng, tăng 89% so với thực hiện năm 2021, trong đó LNST công ty mẹ là 822 tỷ đồng, EPS năm 2022 đạt 11.306 đồng. Trước đó, HAH thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2022 với tổng doanh thu gần 2.388 tỷ đồng, lãi sau thuế là 550 tỷ đồng. Như vậy kết thúc năm 2022, HAH đã vượt 34% mục tiêu về doanh thu và vượt 89% kế hoạch LNST. Công ty cho biết kết quả kinh doanh năm nay tăng so với năm trước chủ yếu từ hoạt động khai thác tàu: doanh thu khai thác tàu tăng do giá cước vận tải đường biển và giá cho thuê tàu tăng cao, trong năm công ty đưa vào khai thác tàu Hải An City từ ngày 3/4/2022, đồng thời nhận thêm kết quả kinh doanh của tàu An Biên Bay từ CTCP Vận tải An Biên - công ty liên kết của HAH. Cùng với sự tăng trưởng của đội tàu Hải An trong năm, dịch vụ cảng và dịch vụ hỗ trợ vận tải cũng tăng theo. Đồng thời, lợi nhuận ghi nhận từ các công ty liên kết cũng tăng hơn 50% so với năm trước.

POW: ước doanh thu tháng 1/2023 không đạt kế hoạch

PV Power ước tính tổng doanh thu khoảng 1.712 tỷ đồng trong tháng 1, chỉ đạt 85% so với kế hoạch tháng đã đề ra Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP (PV Power, mã chứng khoán: POW) vừa công bố tình hình sản xuất kinh doanh tháng 1/2023 với tổng doanh thu ước đạt 1.712 tỷ đồng, chỉ đạt 85% so với kế hoạch tháng đã đề ra. Tuy nhiên, sản lượng điện tháng 1 của các nhà máy điện thuộc PV Power đạt tổng cộng 1.109 triệu kWh điện, vượt 5% kế hoạch tháng. Trong đó, nhà máy điện Cà Mau 1&2, Nhơn Trạch 2, Đakđinh vượt kế hoạch sản lượng trong tháng, lần lượt đạt 203%, 107% và 147%. Nhà máy điện Hủ Na cũng xấp xỉ hoàn thành kế hoạch của tháng, đạt 99%. Trong khi Nhà máy điện Nhơn Trạch 1, Vũng Áng 1 và CTCP Năng lượng tái tạo ĐLĐK chỉ đạt sản lượng lần lượt là 28%, 74% và 38%. Theo PV Power, tháng 1 là thời điểm mùa khô tại miền Bắc và miền Nam, và bắt đầu hết mùa mưa tại khu vực Nam miền Trung. Giữa tháng 1 là thời điểm Tết Nguyên đán, nhu cầu phụ tải giảm mạnh, các nhà máy điện (đặc biệt là nhiệt điện) vận hành với sản lượng thấp. Giá điện thị trường toàn phần FMP trung bình tháng 1 dự kiến khoảng 1.505 đồng/kWh. Về tình hình hoạt động của các nhà máy điện, tại NMT Cà Mau 1&2, kế hoạch giao khí tháng 1 đạt khoảng 115 triệu Sm³ (tương đương trung bình 3,7 triệu Sm³/ngày), đảm bảo phát sản lượng điện hợp đồng Qc 472,2 triệu kWh. NMT Cà Mau 1&2 chào giá để vận hành đảm bảo Qc và tối đa sản lượng để tận dụng hiệu quả theo lượng khí được cấp.

CTR: báo lãi tháng 1 tăng 12% so với cùng kỳ

Trong cơ cấu tháng 1, mảng vận hành khai thác (VHKT) vẫn đóng góp chủ yếu với hơn 440 tỷ đồng và chiếm tỷ trọng cao nhất 58%. Mới đây, Tổng CTCP Công trình Viettel (Viettel Construction – mã CTR) đã công bố kết quả kinh doanh ước tính tháng 1/2023 với doanh thu ước đạt 758 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế ước đạt gần 43 tỷ đồng, cùng tăng trưởng 12% so với cùng kỳ năm trước. Trong cơ cấu doanh thu, mảng vận hành khai thác (VHKT) vẫn đóng góp chủ yếu với hơn 440 tỷ đồng và chiếm tỷ trọng cao nhất 58%. CTR cho biết trong tháng 1 đã đảm bảo các KPI Vận hành khai thác mạng cáp cho Tập đoàn Viettel và các đối tác như: CTCP Tập đoàn Công nghệ CMC (CMC), MobiFone. Đồng thời, công ty đã ký hợp đồng xây dựng cải tạo tổng trạm 9 miles tại Myanmar. Tiếp theo, doanh thu từ mảng Xây lắp có sự tăng trưởng cao hơn 40% đạt xấp xỉ 220 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 29% (trong khi cùng kỳ chỉ chiếm 23%). Doanh thu mảng Dịch vụ và Hạ tầng cho thuê đạt tổng cộng 45 tỷ đồng, giảm nhẹ so với cùng kỳ. Tương tự, mảng Giải pháp tích hợp sụt giảm 22% xuống còn 53 tỷ đồng, chỉ chiếm 7% tỷ trọng.

HAX: hoàn tất phát hành 15 triệu cổ phiếu để hoán đổi trái phiếu

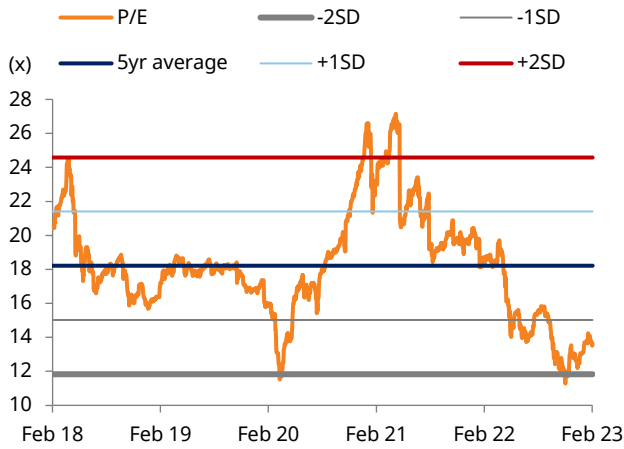
CTCP Dịch vụ ô tô Hàng Xanh (Haxaco – mã HAX) đã thông báo về kết quả phát hành 15 triệu cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu qua đó nâng số cổ phiếu đang lưu hành lên gần 72 triệu. Số cổ phiếu phát hành thêm được chuyển đổi từ 1,8 triệu trái phiếu Haxaco đã phát hành, với tỷ lệ chuyển đổi 12:100, tức 12 trái phiếu được chuyển đổi thành 100 cổ phiếu. Giá chuyển đổi là 12.000 đồng/cp. Ngày chuyển đổi là 13/2/2023, thời gian chuyển giao cổ phiếu dự kiến trong tháng 3/2023 sau khi UBCKNN chấp nhận báo cáo kết quả phát hành. Trên thị trường, cổ phiếu HAX đang giao dịch quanh mức 16.450 đồng/cp, tăng 28,5% so với đáy hồi giữa tháng 11 nhưng vẫn thấp hơn gần 51% so với đỉnh cách đây gần một năm. So với mức giá chuyển đổi, thị giá HAX hiện đang cao hơn khoảng 37%.

HAG lãi gần 100 tỷ đồng trong tháng 1/2023

ết quả sản xuất kinh doanh tháng 1/2023 của CTCP Hoàng Anh Gia Lai (HOSE: HAG) khả quan nhờ giá chuối tăng và sản lượng chuối cao như kỳ vọng, bù đắp cho giá thịt heo vẫn duy trì ở mức thấp, theo Thư gửi cổ đông mới công bố của Công ty. Cụ thể, doanh thu thuần tháng 1/2023 của HAG đạt 509 tỷ đồng, đóng góp lớn nhất từ ngành chăn nuôi (206 tỷ đồng, chiếm 40.5% doanh thu), kế đến là ngành cây ăn trái (197 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 38.7%) và cuối cùng là ngành phụ trợ (106 tỷ đồng, tỷ trọng 20.8%). Trong tháng 1/2023, ngành chăn nuôi của HAG tiêu thụ được 41,297 con heo thịt, trong khi lượng tiêu thụ cây ăn trái đạt 19,893 tấn (chuối xuất khẩu là 10,730 tấn, còn chuối dùng cho sản xuất thức ăn gia súc là 9,163 tấn).

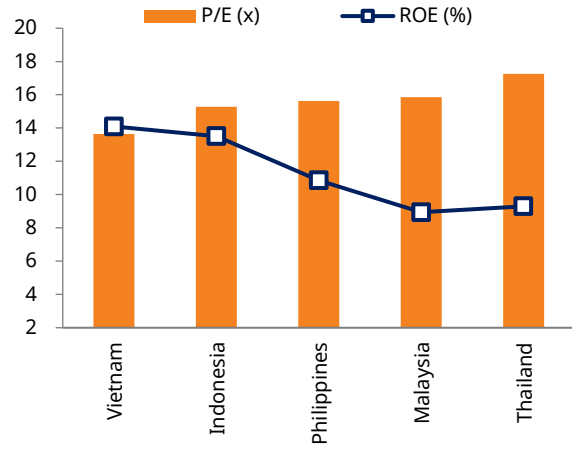
Bản tin thị trường **Chỉ báo tham khảo**

Biểu đồ định giá P/E lịch sử của VN Index



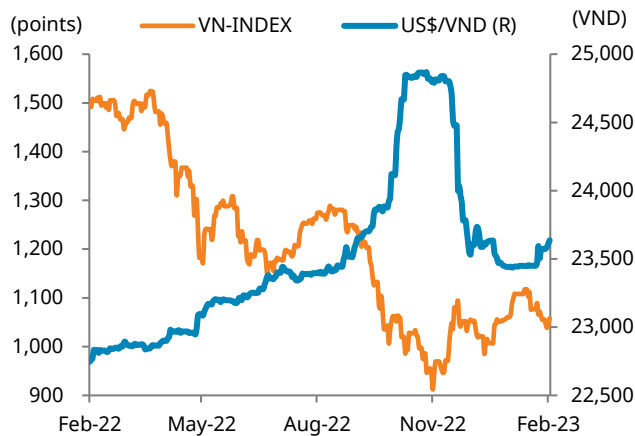
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ định giá P/E và ROE các thị trường



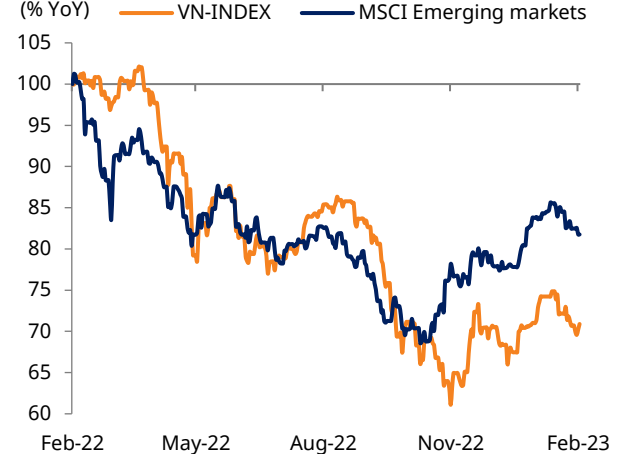
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ VN-Index và tỷ giá USD/VND



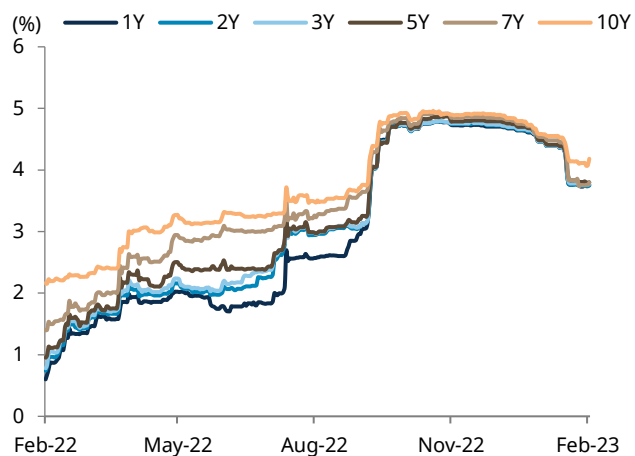
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ VN Index và MSCI Emerging Markets



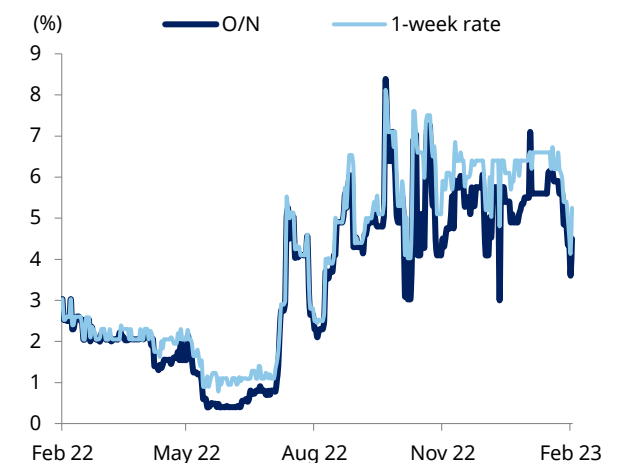
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Vốn hóa (VND bn)	Giá (VND)			Biến động giá (%)				Định giá (TTM)			Sở hữu khối ngoại	
			Đóng cửa	52W cao	52W thấp	1D	1W	1M	1Y	P/E	P/B	ROE (%)	Gần nhất (%)	Còn lại (%)
VN-Index		4,183,423	1,058.29	1,524.92	1,502.35	1.0	-0.5	-0.8	-29.1	13.6	1.7	14.1		
VN30 Index		3,062,721	1,055.26	1,566.09	1,541.96	1.1	-0.4	-1.9	-30.6	11.0	1.6	16.5		
Asia Commercial JS Bank	ACB VN	83,760	24,800	27,680	27,280	1.0	1.2	-0.8	-9.4	6.1	1.4	26.5	30.0	0.0
BIDV	BID VN	227,634	45,000	46,300	44,950	2.3	2.3	0.7	-0.3	12.5	2.3	19.9	17.2	12.8
VietinBank	CTG VN	142,731	29,700	35,150	34,650	2.8	1.0	-1.0	-14.3	8.4	1.3	16.9	28.1	1.9
HDBank	HDB VN	46,532	18,500	23,800	23,360	3.9	1.6	9.5	-20.9	6.0	1.3	23.5	18.5	1.7
MBBank	MBB VN	82,745	18,250	29,000	27,917	1.4	-1.1	-1.4	-32.9	4.7	1.1	25.8	23.2	0.0
Sacombank	STB VN	45,057	23,900	34,250	33,600	2.4	-2.2	-6.3	-28.9	11.6	1.2	13.8	29.9	0.1
Techcombank	TCB VN	98,131	27,900	52,500	51,600	1.8	2.2	-0.7	-45.9	4.9	0.9	19.7	22.5	0.0
Tien Phong Bank	TPB VN	37,962	24,000	42,400	41,100	0.8	-1.0	9.1	-40.6	6.1	1.2	21.5	30.0	0.0
Vietcombank	VCB VN	437,285	92,400	96,000	93,000	-0.6	-0.6	5.8	6.2	14.6	3.2	24.2	23.6	6.4
Vietnam International CJS Bank	VIB VN	44,050	20,900	35,704	34,593	1.0	-5.0	-6.3	-38.1	5.3	1.3	29.4	20.5	0.0
VPBank	VPB VN	117,481	17,500	27,367	26,533	1.7	-2.8	-9.8	-26.4	6.5	1.2	20.7	17.6	0.1
SSI Securities Corp	SSI VN	29,038	19,500	44,927	43,799	2.1	0.8	0.5	-53.8	14.5	1.3	9.3	43.5	56.5
Bao Viet Holdings	BVH VN	37,190	50,100	68,400	64,400	1.4	1.5	4.0	-12.7	24.3	1.8	7.4	27.2	21.8
BECAMEX IDC Corp	BCM VN	87,975	85,000	97,900	94,200	0.1	0.4	3.8	3.9	54.9	5.2	10.2	2.8	46.2
No Va Land Investment Group Corp	NVL VN	22,426	11,500	87,800	84,200	3.1	-18.7	-15.8	-85.3	894.9	0.6	6.2	6.1	42.9
Phat Dat Real Estate Development Corp	PDR VN	7,388	11,000	68,892	67,205	0.9	-8.7	-19.7	-83.4	25.8	0.9	15.1	3.8	45.2
Vinhomes JSC	VHM VN	185,061	42,500	80,800	79,700	0.0	-6.2	-17.2	-46.9	9.0	1.3	21.3	24.2	25.8
Vingroup JSC	VIC VN	203,664	53,400	83,500	82,000	0.9	-1.5	-2.6	-35.6	#N/A	1.8	8.0	12.9	35.9
Vincom Retail JSC	VRE VN	64,534	28,400	34,900	34,000	0.2	0.7	-0.4	-17.2	23.6	1.9	8.6	32.7	17.6
Mobile World Investment Corp	MWG VN	63,364	43,300	81,400	77,600	1.3	-1.6	3.3	-34.8	14.0	2.6	18.5	49.0	0.0
Masan Group Corp	MSN VN	132,264	92,900	135,833	131,417	-0.1	1.2	-2.1	-29.5	42.8	5.1	12.1	30.6	18.4
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corp	SAB VN	121,651	189,700	199,000	192,000	0.4	-2.1	0.6	12.6	23.3	5.3	23.6	62.7	37.3
Vietnam Dairy Products JSC	VNM VN	159,882	76,500	84,000	81,600	0.7	2.0	-3.7	-4.9	20.9	5.4	24.1	55.8	44.3
Vietnam National Petroleum Group	PLX VN	49,553	39,000	65,900	62,000	0.6	2.9	6.0	-33.9	38.2	2.0	6.0	18.0	2.3
Vietnam Rubber Group	GVR VN	59,000	14,750	37,800	36,300	1.7	-1.3	-3.0	-56.3	17.2	1.2	7.9	0.6	12.4
Hoa Phat Group JSC	HPG VN	123,855	21,300	38,538	37,769	2.4	3.4	5.2	-39.8	14.6	1.3	9.1	23.6	25.4
FPT Corp	FPT VN	89,517	81,600	99,083	96,000	0.0	1.1	1.0	7.3	19.0	4.3	24.8	49.0	0.0
Vietjet Aviation JSC	VJC VN	55,678	102,800	148,200	144,000	0.1	0.9	-4.2	-26.1	#N/A	3.9	-14.0	17.2	12.8
PetroVietnam Gas JSC	GAS VN	206,515	107,900	131,900	127,200	0.7	-0.2	4.8	-5.8	14.0	3.5	26.7	3.0	46.0
PetroVietnam Power Corp	POW VN	28,922	12,350	18,950	18,150	2.9	2.9	4.2	-32.1	15.3	1.0	6.4	5.8	43.2

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research.

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này. Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây. Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này. MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành. Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.